

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 24-9-2020  
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Duy Thạch

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tĩnh

Bà Trần Thị Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T; ĐKTT: Xóm D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại xóm H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Tiến D (tên gọi khác: Phạm Văn H); cư trú tại xóm D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Vũ Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T và ông Phạm Tiến D kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 7 năm 1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình mẹ đẻ ông Phạm Tiến D ở thôn A, xã Đ; đến năm

2010 thì chuyển về ở tại xóm D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D mãi chơi, sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cũng từ tháng 3 năm 2020, bà Vũ Thị T đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở xóm H, xã A, huyện A sống ly thân với ông Phạm Tiến D; từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Vũ Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Tiến D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Thị Minh N - sinh ngày 29 tháng 9 năm 1999; con chung hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, ly hôn bà Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

*Đối với bị đơn ông Phạm Tiến D, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Phạm Tiến D đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của ông Phạm Tiến D trước yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị T.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Phạm Tiến D; về con chung, con chung Phạm Thị Minh N - sinh ngày 29 tháng 9 năm 1999 đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, ông Phạm Tiến D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Phạm Tiến D vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông Phạm Tiến D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Vũ Thị T và ông Phạm Tiến D kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 28 tháng 7 năm 1999. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Vũ Thị T và ông Phạm Tiến D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Phạm Tiến D.

[3] Về con chung: Bà Vũ Thị T và ông Phạm Tiến D có 01 con chung là Phạm Thị Minh N - sinh ngày 29 tháng 9 năm 1999, hiện đã trưởng thành, tự quyết định được cuộc sống.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Phạm Tiến D (tên gọi khác: Phạm Văn H).

2. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Vũ Thị T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012701 ngày 20 tháng 7 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đ, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Bùi Duy Thạch**